

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ TUYẾT LAN

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

HÀ NỘI - 2014

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TRẦN THỊ TUYẾT LAN

**ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ**

Chuyên ngành : Kinh tế phát triển

Mã số : 62 31 05 01

LUẬN ÁN TIẾN SĨ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS, TS PHẠM THỊ KHANH
2. TS NGUYỄN TỪ

HÀ NỘI - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi, các số liệu và kết quả nghiên cứu của luận án là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng.

Tác giả luận án

Trần Thị Tuyết Lan

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ	6
1.1. Tình hình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững của các tác giả ngoài nước	6
1.2. Tình hình nghiên cứu về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ của các tác giả trong nước	13
Chương 2: CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM	26
2.1. Khái niệm, đặc điểm và yêu cầu đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng Kinh tế trọng điểm	26
2.2. Nội dung, tiêu chí đánh giá và các nhân tố ảnh hưởng đến đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng Kinh tế trọng điểm	40
2.3. Kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững vùng kinh tế trọng điểm và bài học đối với vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	53
Chương 3: THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ	64
3.1. Tiềm năng, lợi thế và khó khăn, thách thức đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	64
3.2. Thực trạng đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn 2003 – 2011	71
3.3. Đánh giá chung về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ	107
Chương 4: ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU NHẪM ĐẨY MẠNH ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI THEO HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM BẮC BỘ	120
4.1. Định hướng đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ giai đoạn 2011-2020	120
4.2. Giải pháp chủ yếu nhằm thúc đẩy đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ đến năm 2020	125
KẾT LUẬN	149
DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152
PHỤ LỤC	164

BẢNG DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BVMT	Bảo vệ môi trường
CNH, HĐH	Công nghiệp hóa, hiện đại hóa
DNTN	Doanh nghiệp trong nước
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GTSX	Giá trị sản xuất
GTSXCN	Giá trị sản xuất công nghiệp
HĐLĐ	Hợp đồng lao động
KTTĐ	Kinh tế trọng điểm
LĐCN	Lao động công nghiệp
ODA	Hỗ trợ phát triển chính thức
PTBV	Phát triển bền vững
TSCĐ	Tài sản cố định
TƯLĐTT	Thỏa ước lao động tập thể
WTO	Tổ chức Thương mại thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

<u>Số hiệu</u>	<u>Tên bảng</u>	<u>Trang</u>
<i>Bảng 3.1:</i>	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của khu vực FDI trên địa bàn thành phố Hà Nội giai đoạn 2004-2011	85
<i>Bảng 3.2:</i>	Mức trang bị TSCĐ và đầu tư dài hạn cho một lao động và doanh nghiệp của khu vực FDI ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010 phân theo địa phương.....	105

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

<u>Số hiệu</u>	<u>Tên biểu đồ</u>	<u>Trang</u>
<i>Biểu đồ 3.1:</i>	So sánh số dự án FDI ở 3 vùng KTTĐ của Việt Nam giai đoạn 2003-7/2012	71
<i>Biểu đồ 3.2:</i>	Vốn FDI đăng ký và vốn FDI thực hiện ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2011.....	72
<i>Biểu đồ 3.3:</i>	So sánh tổng vốn FDI đăng ký ở 3 vùng KTTĐ của Việt Nam giai đoạn 2003-7/2012	73
<i>Biểu đồ 3.4:</i>	Qui mô dự án FDI tại 3 vùng KTTĐ của Việt Nam giai đoạn 2003-7/2012	74
<i>Biểu đồ 3.5:</i>	Cơ cấu FDI theo ngành phân theo số dự án ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-7/2012.....	75
<i>Biểu đồ 3.6:</i>	Cơ cấu FDI theo ngành phân theo vốn đăng ký ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-7/2012.....	75
<i>Biểu đồ 3.7:</i>	Cơ cấu FDI theo hình thức đầu tư phân theo số dự án ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-7/2012.....	77
<i>Biểu đồ 3.8:</i>	6 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn FDI đăng ký trên 2 tỷ USD ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-7/2012.....	78
<i>Biểu đồ 3.9:</i>	Cơ cấu FDI phân theo địa bàn đầu tư ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-7/2012	79
<i>Biểu đồ 3.10:</i>	Tốc độ tăng GDP của khu vực FDI và vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2004-2011.....	80
<i>Biểu đồ 3.11:</i>	Tỷ lệ GDP của các thành phần kinh tế so với GDP vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2011.....	80
<i>Biểu đồ 3.12:</i>	Vốn đầu tư của khu vực FDI và tổng vốn đầu tư xã hội ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010	81

<i>Biểu đồ 3.13:</i>	So sánh tốc độ và tỷ lệ vốn đầu tư của khu vực FDI với tổng vốn đầu tư XH ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010.....	82
<i>Biểu đồ 3.14:</i>	Thu ngân sách từ khu vực FDI và tổng thu ngân sách vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010.....	83
<i>Biểu đồ 3.15:</i>	So sánh tốc độ và tỷ lệ thu ngân sách từ khu vực FDI với tổng thu ngân sách vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010.....	84
<i>Biểu đồ 3.16:</i>	Giá trị xuất khẩu so với vốn thực hiện của khu vực FDI tại một số tỉnh, thành phố vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2011	87
<i>Biểu đồ 3.17:</i>	Giá trị xuất nhập khẩu, nhập siêu của một số tỉnh, thành phố vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2011	88
<i>Biểu đồ 3.18:</i>	GTSXCN khu vực FDI so với GTSX, GTSXCN vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2006-2011	89
<i>Biểu đồ 3.19:</i>	Tỷ trọng GTSXCN khu vực FDI so với GTSX, GTSXCN vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2006-2011	90
<i>Biểu đồ 3.20:</i>	Cơ cấu GTSXCN theo thành phần ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2005-2011.....	91
<i>Biểu đồ 3.21:</i>	Cơ cấu GTSX theo thành phần ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2005-2011	91
<i>Biểu đồ 3.22:</i>	Số lao động và LĐCN của khu vực FDI ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010.....	92
<i>Biểu đồ 3.23:</i>	Tốc độ tăng số lao động và LĐCN của khu vực FDI ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010.....	93
<i>Biểu đồ 3.24:</i>	Tỷ lệ LĐCN so với số lao động đang làm việc trong khu vực FDI ở vùng KTTĐ Bắc Bộ giai đoạn 2003-2010	94
<i>Biểu đồ 3.25:</i>	Tiền lương bình quân chia theo loại hình doanh nghiệp.....	95
<i>Biểu đồ 3.26:</i>	Thu nhập bình quân của người lao động trong các loại hình doanh nghiệp	96

DANH MỤC CÁC SƠ ĐỒ

<u>Số hiệu</u>	<u>Tên sơ đồ</u>	<u>Trang</u>
<i>Sơ đồ 2.1:</i>	Mối quan hệ giữa FDI với PTBV về kinh tế, xã hội và môi trường vùng KTTĐ.....	35
<i>Sơ đồ 2.2:</i>	Tam giác hành vi của ba chủ thể trong hoạt động FDI theo hướng PTBV vùng KTTĐ.....	38

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Vùng KTTĐ Bắc Bộ là một trong những vùng KTTĐ của cả nước, được xây dựng và phát triển nhằm hướng tới mục tiêu phát huy tối đa các lợi thế so sánh của vùng KTTĐ, tạo ra các vùng kinh tế có tính chất động lực, có tác động lan tỏa và bứt phá; lôi cuốn các vùng khác cùng phát triển. Do đó, việc thu hút và quản lý hoạt động của khu vực doanh nghiệp có vốn FDI nhằm thúc đẩy vùng KTTĐ Bắc Bộ phát triển theo hướng bền vững là yêu cầu khách quan trong tiến trình phát triển kinh tế - xã hội và BVMT của vùng.

Vùng KTTĐ Bắc Bộ bao gồm 8 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo Thông báo số 108/TB-VPCP ngày 30 tháng 7 năm 2003 về *kết luận của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ sung, mở rộng vùng KTTĐ Bắc Bộ* là Hà Nội, Hải Phòng, Hải Dương, Hưng Yên, Quảng Ninh, Hà Tây, Bắc Ninh và Vĩnh Phúc. Đến 1-1-2008, Hà Tây được sáp nhập vào Hà Nội, nên vùng KTTĐ Bắc Bộ chỉ còn 7 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Đây là vùng giữ vị trí quan trọng chiến lược trong tiến trình hội nhập sâu, rộng, hiệu quả với khu vực và thế giới. Bởi lẽ, vùng KTTĐ Bắc Bộ là vùng duy nhất có Thủ đô Hà Nội - là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hoá và quan hệ quốc tế của cả nước; nơi hội tụ đầy đủ các lợi thế so sánh về vị trí địa kinh tế - chính trị; hạ tầng kỹ thuật; nguồn nhân lực; là nơi tập trung nhiều viện nghiên cứu và các trường đại học nhất trong cả nước...

Với những lợi thế đặc biệt, riêng có, trong những năm qua, vùng KTTĐ Bắc Bộ là một trong hai vùng kinh tế của cả nước luôn dẫn đầu về thu hút FDI cả về số lượng dự án và qui mô vốn đầu tư. Khu vực doanh nghiệp có vốn FDI ở vùng KTTĐ Bắc Bộ có những đóng góp tích cực vào tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Tuy nhiên, *kết quả thu hút FDI và quá trình hoạt động của khu vực doanh nghiệp có vốn FDI* ở vùng KTTĐ Bắc Bộ đã và đang xuất hiện những biểu hiện tiêu cực, ảnh hưởng không nhỏ đến sự PTBV của vùng trên cả 3 khía cạnh: kinh tế, xã hội và BVMT... Mặc dù, *kết quả thu hút FDI* vào vùng KTTĐ Bắc Bộ trong những năm qua là rất khả quan, song cơ cấu đầu tư theo ngành của khu vực FDI trong vùng còn mất cân đối, tập trung chủ yếu vào những ngành nghề sử dụng nhiều lao động, những ngành gia công và lắp ráp mà điển hình là: giày da, dệt may, linh kiện điện tử,.. chưa chú trọng thu hút FDI vào phát triển các ngành công nghiệp ít gây hại đến môi trường, nhất là ngành sử dụng công nghệ cao và có giá trị gia tăng cao. Thực tế đã chứng minh, sau nhiều năm thu hút FDI, sản xuất công nghiệp của vùng tuy có nhiều thay đổi, nhưng vùng KTTĐ Bắc Bộ vẫn chưa thực sự trở thành trung tâm công nghiệp hiện đại, có sức lôi cuốn và tác động lan tỏa đến ngành công nghiệp của các vùng lân

cận cùng phát triển. Hầu hết FDI vào các ngành công nghiệp đều có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao, đặc biệt là ngành công nghiệp khai khoáng, nhiệt điện, hóa chất,... Số lượng và qui mô dự án FDI tập trung vào các lĩnh vực giáo dục đào tạo, cấp nước và xử lý chất thải, y tế và trợ giúp xã hội,... còn rất nhỏ bé. Bên cạnh đó, *sự hoạt động của khu vực các doanh nghiệp có vốn FDI* cũng đang xuất hiện những ảnh hưởng tiêu cực đến sự PTBV của vùng KTTĐ Bắc Bộ. Về mặt kinh tế, xuất hiện ngày càng nhiều các doanh nghiệp FDI “lỗ giả, lãi thật”, trốn thuế làm thất thu thuế của Nhà nước; hiện tượng nợ xấu và chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI khá phổ biến và có biểu hiện ngày càng gia tăng. Khu vực doanh nghiệp FDI chưa thực sự tạo ra tác động lan tỏa lớn đối với nền kinh tế của vùng. Mối liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp FDI còn rất lỏng lẻo. Về mặt xã hội, khu vực FDI góp phần tạo mở và giải quyết công ăn việc làm cho người lao động trong vùng, song chưa chú trọng đến việc nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động; đời sống vật chất và tinh thần của người lao động chưa được quan tâm một cách thỏa đáng. Về mặt môi trường, ý thức chấp hành pháp luật BVMT của các doanh nghiệp có vốn FDI chưa tốt với các biểu hiện như chưa quan tâm đầu tư cho công tác BVMT, cố tình vi phạm pháp luật BVMT... đã ảnh hưởng rất lớn đến môi trường sinh thái và sức khỏe của dân cư trong vùng. Tất cả những tác động tiêu cực đó đang là rào cản tiềm ẩn nguy cơ, thách thức to lớn đối với sự PTBV của vùng KTTĐ Bắc Bộ.

Xuất phát từ những vấn đề thực tiễn trên đây, việc làm rõ hơn nữa cơ sở lý luận về FDI theo hướng PTBV; đánh giá đúng đắn, khách quan thực trạng FDI theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ và tìm kiếm các giải pháp thu hút và quản lý hoạt động của các doanh nghiệp có vốn FDI như thế nào để đảm bảo PTBV cho vùng KTTĐ Bắc Bộ trên cả ba trụ cột kinh tế, xã hội và môi trường là yêu cầu cấp bách. Nhằm hướng đến việc đáp ứng yêu cầu đó, đề tài ***“Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng phát triển bền vững ở vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ”*** được tác giả lựa chọn để nghiên cứu.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về FDI theo hướng PTBV vùng KTTĐ; đánh giá đúng đắn thực trạng FDI theo hướng PTBV vùng KTTĐ Bắc Bộ, luận án đề xuất những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ trong thời gian tới.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, luận án sẽ thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- Hệ thống hóa và làm rõ hơn cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV vùng KTTĐ.

- Tìm hiểu kinh nghiệm của một số quốc gia Châu Á về đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV và rút ra một số bài học đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ.

- Phân tích, đánh giá thực trạng FDI theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ, bao gồm những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém.

- Đề xuất phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm đẩy mạnh FDI theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận án là đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung:

Đầu tư trực tiếp nước ngoài là hoạt động đầu tư có liên quan đến 2 chủ thể: nhà ĐTNN và nước tiếp nhận đầu tư. Mục đích của nhà đầu tư nước ngoài trong hoạt động này là mục tiêu lợi nhuận, còn mục tiêu của nước tiếp nhận đầu tư là lợi ích kinh tế - xã hội mà FDI mang lại. Do đó, xét dưới góc độ là nước tiếp nhận đầu tư, đầu tư trực tiếp nước ngoài theo hướng PTBV thực chất là việc nước tiếp nhận đầu tư làm thế nào để hoạt động FDI mang lại nhiều tác động tích cực và đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững cho quốc gia đó, vùng hoặc địa phương đó.

Với ý nghĩa đó, trong phạm vi nghiên cứu của luận án, *luận án sẽ nghiên cứu những ảnh hưởng của đầu tư trực tiếp nước ngoài đến PTBV của vùng KTTĐ Bắc Bộ trên cả ba trụ cột: kinh tế, xã hội và môi trường*. Trên cơ sở phân tích và đánh giá những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của FDI đến PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ, luận án chỉ ra những nguyên nhân và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy FDI theo hướng PTBV ở vùng KTTĐ Bắc Bộ. Trong đó:

+ Khái niệm đầu tư được nghiên cứu trong luận án được hiểu là hoạt động đầu tư, là hoạt động bỏ vốn đầu tư nhằm mục đích thu lợi nhuận.

+ Luận án không nghiên cứu sự PTBV trong nội tại của khu vực các doanh nghiệp có vốn FDI, mà nghiên cứu FDI tác động đến PTBV ở nước tiếp nhận đầu tư, cụ thể là vùng KTTĐ Bắc Bộ.

+ Vai trò quản lý nhà nước về FDI theo hướng PTBV chỉ được xem xét có chừng mực, dưới lát cắt là những nhân tố ảnh hưởng, là nguyên nhân của những hạn chế đối với FDI theo hướng PTBV.